

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Chợ Mới

Thực hiện Kế hoạch số 1033/KH-UBND, ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là kế hoạch số 1033).

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (gọi tắt là Nghị quyết số 01) với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân sự cần thiết và sự cấp thiết về Chuyển đổi số. Thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động thương mại điện tử, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số, hướng tới phát triển Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số trên địa bàn huyện.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu và định hướng, xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp và phân công cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 68-KH/HU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Chợ Mới.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn huyện góp phần xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trên địa bàn huyện.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với việc triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về chuyển đổi số, các quy định của pháp luật hiện

hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chuyển đổi số.

- Xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm, cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết để tổ chức thực hiện. Phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan chịu trách nhiệm triển khai và đề ra lộ trình, thời gian hoàn thành.

- Các nhiệm vụ, mục tiêu, đầu tư dự án đề ra phải đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo giữa các cơ quan, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng Chính quyền số huyện Chợ Mới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, đảm bảo người dân có thể tiếp cận, sử dụng dịch vụ mọi lúc, mọi nơi dựa trên nhiều phương tiện khác nhau, phù hợp với nhu cầu.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; phát triển doanh nghiệp công nghệ số; tạo động lực phát triển xã hội số góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành thực hiện Chuyển đổi số trên địa bàn huyện Chợ Mới, trong đó tập trung chuyển đổi số các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, thế mạnh của huyện về Nông nghiệp, Giáo dục, Y tế, Du lịch, ...; nâng cao hoạt động hiệu quả quản lý, điều hành các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

- Phấn đấu đến năm 2030, Chợ Mới thuộc nhóm 05 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số đạt 20% GRDP.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Về chính quyền số

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình.
- 60% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng.

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.

- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Về kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số đạt 10% GRDP.

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 10%.

- 100% sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt trên sàn thương mại điện tử.

- 60% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.

- Trên 60% người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Phần đầu có từ 01- 02 doanh nghiệp trên địa bàn huyện tham gia doanh nghiệp số.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

c) Về xã hội số

- 100% hộ gia đình có địa chỉ số.

- 90% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 90%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 80%.

2.2. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Về chính quyền số

- Hoàn thiện cơ bản việc xây dựng chính quyền số; cơ quan nhà nước chỉ đạo, điều hành trên dữ liệu thực.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

b) Về kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số đạt 20% GRDP.

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 20%.

- 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

c) Về xã hội số

- 95% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- 80% dân số, 100% doanh nghiệp có tài khoản giao dịch thương mại điện tử, thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G và các công nghệ sau 5G.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 95%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 90%.

Chi tiết bản phân công cơ quan phụ trách các chỉ tiêu tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người dân về sự cấp thiết của nhiệm vụ chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Xem chuyển đổi số là động lực quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Quán triệt và triển khai sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn về Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, học tập, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của địa phương, đơn vị mình; lấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tuyên truyền, thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

- Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào quá trình chuyển đổi số; tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

- Các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, trong đó chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số; phát triển nguồn nhân lực; bảo đảm an toàn, an ninh mạng

2.1. Cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng số

- Tổ chức triển khai hiệu quả chỉ thị, nghị quyết, chương trình Chuyển đổi số của Tỉnh, các cơ chế, chính sách của Trung ương, của Tỉnh về chuyển đổi số; cụ thể hóa, ban hành theo thẩm quyền các văn bản của huyện sát với tình hình thực tiễn nhằm tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng số để phát triển chính quyền số của huyện.

- Huy động nguồn lực thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số của huyện; kết nối để hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ dân quảng bá sản phẩm trên các sàn giao dịch điện tử có uy tín ở trong và ngoài nước.

- Đầu tư và phát triển hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng; đầu tư và phát triển hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh nói

chung, huyện nói riêng trong các cơ quan nhà nước; xây dựng quy chế kết nối liên thông giữa các cơ quan đảng, đoàn thể chính trị - xã hội với khối chính quyền.

- Tiếp tục phát triển Trung tâm điều hành thông minh của huyện (IOC) để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm vụ trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

2.2. Phát triển, sử dụng nền tảng số

- Đầu tư trang thiết bị, nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng CNTT (bằng ngân sách nhà nước) các công nghệ mới để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung của toàn huyện (kết nối với tỉnh) đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số, chính quyền điện tử; từng bước kết nối thông suốt 4 cấp.

- Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn huyện. Ưu tiên phát triển tại đô thị, khu, điểm du lịch, các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn huyện.

- Tập trung nâng cấp mạng di động 4G; tích cực triển khai hạ tầng mạng di động 5G; phấn đấu đến năm 2025 phủ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh để phục vụ quá trình chuyển đổi số.

- Xây dựng nền tảng Chính quyền số, triển khai và vận hành hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh của huyện với hình thức triển khai tập trung, sử dụng điện toán đám mây.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị hệ thống trực tuyến, hệ thống mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét, thiết bị số hóa,... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, chính quyền các cấp.

- Sẵn sàng triển khai thí điểm những ứng dụng dịch vụ, nền tảng, giải pháp công nghệ mới để chuyển đổi số đối với các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới phục vụ chuyển đổi số.

2.3. Phát triển về nguồn nhân lực

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực về CNTT cấp huyện, xã nhằm đáp ứng yêu cầu về con người trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, chính quyền điện tử; lồng ghép, thực hiện các nội dung đào tạo, tuyên truyền nhận thức về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình các cấp học.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, xã, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao trong triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Phối hợp với Sở Thông tin và truyền thông tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, đội ngũ công chức chuyên trách CNTT hiện có và bổ sung cán bộ quản lý, chuyên viên còn thiếu của cơ quan chuyên môn; đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu hơn để thành lập Tổ chuyên môn của huyện làm nòng cốt tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện về chuyển đổi số; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số.

2.4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, phòng ngừa vi phạm, tội phạm trong quá trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện

- Kết nối, tham mưu với Tỉnh để thực hiện giám sát an toàn thông tin từ các doanh nghiệp có uy tín nhằm đánh giá rủi ro, giám sát, phát hiện tấn công, cảnh báo sớm, ngăn chặn kịp thời và ứng cứu các sự cố liên quan đến an toàn thông tin trên địa bàn huyện. Tăng cường tham gia xây dựng đội ngũ chuyên gia an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh thông tin mạng và tính riêng tư đến CBCC-VC trong cơ quan nhà nước và các nhân viên trong doanh nghiệp chuyển đổi số... theo định kỳ hàng năm; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

- Đầu tư mua sắm trang bị phương tiện, thiết bị, phần mềm chuyên dụng để chủ động phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số.

- Phối hợp Sở Thông tin Truyền thông tổ chức lớp tập huấn phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin mạng cho huyện; tham gia các lớp diễn tập, đào tạo nâng cao chất lượng, đội ngũ CBCC-VC về an toàn, an ninh thông tin mạng.

3. Tập trung xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, phát triển xã hội số

3.1. Xây dựng chính quyền số

- Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phát triển hạ tầng số, nền tảng số: Triển khai số hóa dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước bảo đảm tập trung, thông suốt; bảo đảm hoạt động lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền trên môi trường số; đẩy mạnh hợp trực tuyến, hợp không giấy, ký số,... nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính của huyện.

- Hướng dẫn người dân và doanh nghiệp triển khai các ứng dụng, nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên nền tảng số. Xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, truy cập, sử dụng, góp phần công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số. Kết nối để chia sẻ, khai thác nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Tỉnh (LGSP), với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP).

3.2. Phát triển kinh tế số

- Đẩy mạnh công tác phổ biến kiến thức chung về kinh tế số. Tăng cường phổ biến quy định, đẩy mạnh các giải pháp thanh toán trực tuyến. Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển sang sản xuất, cung cấp dịch vụ trên nền tảng số. Nâng cao chất lượng nhân lực, hạ tầng thiết bị cơ bản phục vụ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn huyện triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Pay, VNPT Pay...).

- Tổ chức các chương trình kết nối, chia sẻ, giới thiệu các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, những doanh nghiệp thành công nhờ công nghệ số để thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tập trung thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội.

3.3. Phát triển xã hội số

- Tăng cường phổ cập các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến, thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận. Tăng cường tuyên truyền Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

- Tạo môi trường thuận lợi phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân. Tập trung hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân và hình thành dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin dùng chung.

- Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối, phục vụ trực tuyến toàn chương trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, giáo viên để hình thành hệ sinh thái phát triển giáo dục số.

- Tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy và nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa để tạo sự bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế giữa nông thôn và thành thị.

- Tăng cường triển khai trên không gian mạng các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng văn hóa và con người Chợ Mới, quảng bá hình ảnh địa phương.

4. Tập trung chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực trọng yếu

4.1. Về lĩnh vực du lịch

Ưu tiên triển khai du lịch thông minh trên địa bàn huyện; xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu giới thiệu các khu điểm du lịch, các điểm tham quan, di tích lịch sử...; ứng dụng CNTT, truyền thông vào quảng bá hình ảnh, điểm đến du lịch của huyện, ứng dụng hiệu quả vào công tác quản lý.

4.2. Về lĩnh vực nông nghiệp

- Tham gia, chia sẻ, xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống dữ liệu về nông nghiệp trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data); tham gia xây dựng bản đồ số nông nghiệp, kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để thực hiện dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Thúc đẩy, khuyến khích nông dân tham gia các hoạt động ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp. Áp dụng các chương trình, phần mềm, thiết bị Internet vạn vật nhằm tối ưu hoá việc sử dụng tài nguyên (nước, đất đai), kiểm soát dịch bệnh, tăng năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết.

- Tham gia ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong các chương trình khoa học công nghệ, quản lý chất lượng nước, quy trình chăm sóc cây trồng, vật nuôi; áp dụng công nghệ tự động hoá trong chế biến để giảm chi phí, bảo đảm chất lượng sản phẩm; ứng dụng công nghệ chuỗi khối (Block chain), hệ thống thông tin địa lý (GIS) để truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý.

- Chủ động tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử kết nối cung cầu sản phẩm nông nghiệp. Thu hút, phát triển các sản phẩm ứng dụng trong nông nghiệp. Tạo dựng môi trường, hệ sinh thái số nông nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi từ "Sản xuất nông nghiệp" sang "Kinh tế nông nghiệp", phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

4.3. Về lĩnh vực y tế

- Nâng cao chất lượng khám và điều trị, ngăn ngừa dịch bệnh, từng bước tạo ra sự bình đẳng trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế giữa khu vực nông thôn và thành thị.

- Xây dựng hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh, mô hình bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử cho bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4.4. Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; phát triển toàn diện xây dựng trường học số trong ngành giáo dục, tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- Hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành giáo dục và đào tạo; bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ công nghệ thông tin, kiến thức số, kỹ năng số cho công chức, viên chức toàn ngành. Triển khai đào tạo, áp dụng mô hình Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Toán học (STEM), Khoa học - Công nghệ - Kỹ thuật - Nghệ thuật - Toán học (STEAM). Số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo các hình thức trực tiếp và trực tuyến, tạo điều kiện cho mọi người dân có thể tham gia học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập để tạo ra nguồn lao động có đủ tri thức, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

- Tổ chức hướng dẫn học sinh từ bậc trung học cơ sở trở lên sử dụng các dịch vụ, nền tảng số để hướng dẫn cho phụ huynh tham gia sử dụng khi có nhu cầu.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động sử dụng nguồn kinh phí đã được Ủy ban nhân dân huyện bố trí giao dự toán hằng năm, bố trí tại các dự án, đề án, chương trình đã được phê duyệt, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và huy động từ nguồn xã hội hóa để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; đồng thời, chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số huyện:

Chủ trì, điều hành, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này.

2. Các ban ngành huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan:

- Căn cứ chức năng, thẩm quyền và chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này thực hiện xây dựng Kế hoạch để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TU và Kế hoạch này, phù hợp điều kiện, tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó xác định các nội dung nhiệm vụ cụ thể để phân đầu đạt các chỉ tiêu đề ra thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

- Thủ trưởng các ban, ngành huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, lãnh đạo các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao, đảm bảo đúng tiến độ, đạt hiệu quả.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý về ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong phát triển của từng ngành, lĩnh vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Chủ động rà soát các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Kế hoạch này, lựa chọn khâu đột phá, lĩnh vực ưu tiên thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình, đề xuất danh mục dự án đầu tư; kinh phí chi thường xuyên, nhằm triển khai thành công các mục tiêu đề ra.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành dọc cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Văn hóa và Thông tin) báo cáo Thường trực Huyện ủy và các Sở, Ngành dọc theo quy định.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc các ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch triển khai hàng năm.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện định kỳ, đột xuất tiến độ thực hiện Kế hoạch này; kịp thời đề xuất với UBND huyện những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết, bảo đảm việc thực hiện thành công Kế hoạch.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Trên cơ sở dự toán hằng năm của các ban ngành huyện, UBND các xã, thị trấn, theo khả năng cân đối ngân sách thực hiện tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân huyện về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với các chương trình dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

6. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số của huyện. Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu về chuyển đổi số của từng ngành, lĩnh vực để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện.

7. Đề nghị các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, phối hợp tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực UBND huyện;
- BCĐ chuyển đổi số huyện;
- Phòng VH TT;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Minh Nâng